

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-PT
Ngày: 16 tháng 12 năm 2021
V/v: *Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tuyết Mai

Các Thẩm phán:

Ông Vũ Văn Giáp

Ông Hoàng Tuấn Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Quang Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh BN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa: Bà Thân Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BN xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2021/TLPT-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện LT bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2021/QĐPT-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1991. Có mặt;

Địa chỉ: Thôn ĐQ, xã TC, huyện LT, tỉnh BN

Bị đơn: Chị Nguyễn Minh H, sinh năm 1993. Có mặt;

Quê quán: Tổ dân phố T, thị trấn BD, huyện VY, tỉnh BG

HKTT: Thôn ĐQ, xã TC, huyện LT, tỉnh BN

Người kháng cáo: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn L trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Minh H ngày 01/11/2016, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TC, huyện LT, tỉnh BN. Sau ngày cưới chị H về chung sống cùng anh ngay, tình cảm vợ chồng ban đầu hoà thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ cuối năm 2020, nguyên nhân là do chị H thay đổi tình cảm, ngoại tình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi cọ, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Từ cuối năm 2020 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân, trong thời gian ly thân hai bên gia đình cũng đã hòa giải nhưng không có kết quả. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị H, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh xin được ly hôn với chị H.

Con chung: Vợ chồng có một con là Nguyễn Minh Huy, sinh ngày 02/01/2018, hiện tại cháu Huy đang ở với anh, anh đang công tác tại Trường trung cấp văn hóa nghệ thuật và du lịch tỉnh BN, thu nhập ổn định hàng tháng là 3.686.000 đồng, ngoài ra anh còn làm thêm môi giới bất động sản và phụ giúp bố mẹ anh bán hàng vật liệu xây dựng, vật tư nông nghiệp thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng, nếu được giao nuôi con thì anh và con sẽ ở nhà bố mẹ đẻ anh cho mượn tại thành phố BN;

Tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Bị đơn chị Nguyễn Minh H trình bày: Chị đồng ý với lời trình bày của anh L về quan hệ vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung. Theo chị thì nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm và không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống; trong thời gian vợ chồng sống ly thân thì cả hai cũng đã tìm cách hàn gắn, hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Vì thế, chị xác định tình cảm giữa chị và anh L không còn nên chị đồng ý ly hôn.

Con chung: Chị xin được nuôi con và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 5.000.000 đồng. Công việc hiện tại của chị là diễn viên nhà hát dân ca quan họ BN, thu nhập ổn định là 4.863.000 đồng/tháng, ngoài ra chị còn đi biểu diễn thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng, nếu được giao nuôi con thì chị và con sẽ ở cùng bố mẹ đẻ chị tại Bắc Giang.

Với nội dung trên, Tòa án nhân dân huyện LT đã áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 147, 235, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Minh H.

2. Con chung: Giao con chung là Nguyễn Minh Huy, sinh ngày 02/01/2018 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/1 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, nợ chung: Anh L và chị H không có tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/8/2021, anh Nguyễn Văn L kháng cáo bản án sơ thẩm. Anh Tiến đề nghị cấp phúc thẩm giao cháu Nguyễn Minh Huy cho anh nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Nguyễn Văn L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ lúc thụ lý đến lúc xét xử vụ án là đúng với quy định của pháp luật; Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn L, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Tổ tụng: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn L kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, do vậy kháng cáo của các đương sự là hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Nội dung: Anh Nguyễn Văn L kết hôn với chị Nguyễn Minh H tháng 11/2006, đảm bảo mọi điều kiện kết hôn theo luật định, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng thiếu sự tin tưởng lẫn nhau, vợ không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống dẫn tới tình cảm phải nhạt. Cả hai đều xác định tình cảm không còn và đều đồng ý ly hôn. Tòa án cấp sơ thẩm xét thấy yêu cầu xin ly hôn của hai bên là phù hợp với thực tế mâu thuẫn vợ chồng và công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự là đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Văn L thì thấy:

Anh L và chị H đều có đủ các điều kiện về thu nhập cũng như tình cảm, sự quan tâm, chăm sóc đối với con chung nên về điều kiện để nuôi dưỡng con chung của hai bên là như nhau.

Tuy nhiên, việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng thì ngoài điều kiện về thu nhập còn phải xem xét đến điều kiện ăn ở, chăm sóc con chung mới đảm bảo mang lại cuộc sống tốt nhất cho trẻ sau khi vợ chồng ly hôn.

Cụ thể: Trước khi xét xử sơ thẩm chị H đã đón cháu H1 về sống cùng chị tại nhà bố mẹ đẻ ở thị trấn BÐ, huyện VY, tỉnh BG; cuộc sống của cháu Huy vẫn đảm bảo; hiện tại cháu vẫn còn nhỏ nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ để bảo đảm phát triển toàn diện về thể chất và tâm lý. Hơn nữa, cháu H1 hiện đã ở cùng chị H và đang theo học tại thị trấn BÐ.

Tòa án cấp sơ thẩm sau khi xem xét nguyện vọng, hoàn cảnh và điều kiện chăm sóc của cha mẹ, nhằm đảm bảo sự phát triển bình thường về mặt tinh thần của con trẻ và không làm xáo trộn cuộc sống, học tập, sinh hoạt của con chung sau ly hôn nên đã giao cháu Huy cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn L, giữ nguyên bản án sơ thẩm về vấn đề con chung. Các nội dung khác không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Án phí: Do kháng cáo của anh Nguyễn Văn L không được chấp nhận nên anh L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, quyết định: Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn L.

Áp dụng: khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Quan hệ vợ chồng: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Minh H.

2. Con chung: Giao cháu Nguyễn Minh H1, sinh ngày 02/01/2018 cho chị Nguyễn Minh H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn L cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000đồng/tháng kể từ tháng 8/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; không lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở đến việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Án phí: Anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận anh Nguyễn Văn L đã nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0001888 ngày 01/3/2021 và 300.000 đồng tại biên lai số 0001977 ngày 11/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LT, tỉnh BN.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BN;
- TAND huyện LT;
- Chi cục THADS huyện LT;
- Các đương sự

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tuyết Mai